

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **56/2021/HS-ST**
Ngày: 05/03/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Việt Tiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Phạm Minh Đ; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1995; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 183E/2 đường 6, khu phố 2, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ số 459 đường K, khu phố 7, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn H và bà: Nguyễn T; Bị cáo sống chung như vợ chồng với Phan Thị Bảo T, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án: 01 tiền án

- Ngày 01/4/2016, bị Tòa án quận Bình Thạnh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 11/11/2016 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo đã đóng án phí hình sự, dân sự nhưng chưa bồi thường dân sự cho bị hại (do bị hại không có đơn yêu cầu bồi thường, chưa hết thời hạn thi hành bản án là 5 năm).

Tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 03/4/2013, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đưa đi cai nghiện trong thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/9/2020 cho đến nay.

Bị cáo Nguyễn Phạm Minh Đ có mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng khác:

- *Người bị hại:* Chị Trịnh Thị Mỹ D, sinh năm: 1997.

Thường trú: Tổ dân phố Tphường C, thành phố Ctỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ: 36/31/5/16 đường số 4, khu phố 6, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền nên khoảng 09 giờ ngày 30/9/2020, Nguyễn Phạm Minh Đ điều khiển xe mô tô biển số 59X3-572.31, mang theo 01 cây kim bấm bằng kim loại đi tìm nhà nào ở khu vực đường số 4, khu phố 6, phường H, quận Thủ Đức có tài sản dễ sơ hở lấy trộm. Khi Đ đi đến phòng trọ số 3, nhà trọ số 36/31/5/16 đường 4, khu phố 6, phường H, thành phố Thủ Đức do chị Trịnh Thị Mỹ D, sinh năm 1997 thuê ở, Đ thấy khóa ổ khóa bên ngoài nên nảy sinh ý định phá khóa đột nhập vào lấy trộm tài sản. Đ dựng xe mô tô biển số 59X3-572.31 trước phòng trọ của chị D, dùng kim bấm mang theo đưa phần lưỡi kim bấm vào gong ổ khóa phía ngoài cửa phòng trọ (loại khóa chìa Viet-Tiep màu vàng) và tì mạnh phần cán kim bấm làm bung ổ khóa ra. Đ đưa tay phải vào ô cửa phòng trọ để mở cửa thì phát hiện bên trong chủ nhà có sử dụng ổ khóa số (màu trắng không rõ hiệu) khóa lại. Đ tiếp tục phá ổ khóa trên rồi để ổ khóa số này vào túi quần mở cửa phòng trọ đi vào bên trong tìm tài sản lấy trộm. Đ phát hiện một túi xách vải để dưới nền nhà gần cầu thang lên gác phòng trọ, Đ mở túi xách thấy bên trong có 03 tờ đô la Mỹ mệnh giá 100 USD nên cất vào túi quần. Đ tiếp tục tìm tài sản thì anh Trần Văn C (sinh năm 1963) đi ngang phát hiện nghi vấn nên hỏi Đ “Tìm ai?”, Đ trả lời “Tìm bạn” rồi đi ra, lên xe mô tô điều khiển bỏ chạy. Trên đường bỏ chạy, Đ vứt bỏ ổ khóa số của phòng trọ chị D ở khu vực cầu ông Kim, phường H, thành phố Thủ Đức rồi điều khiển xe về phòng trọ số 7 của Đông tại địa chỉ 459 K, Khu phố 7, phường H, thành phố Thủ Đức đếm được 300 đô la Mỹ, Đ giấu tiền trộm được dưới nệm và ngủ.

Chị D sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản đến Công an phường H trình báo sự việc mất trộm trên. Qua điều tra truy xét, đến 15 giờ cùng ngày Cơ quan Cảnh sát Điều tra thành phố Thủ Đức đưa Đ về làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Nguyễn Phạm Minh Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên và giao nộp 300USD.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Thủ Đức xác định: 03 tờ đô la mỹ mệnh giá 100USD vào ngày 30/9/2020 có tổng trị giá là 6.981.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 03 tờ đô la mỹ mệnh giá 100USD. Ngày 27/10/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thủ Đức đã trả lại cho chị D là chủ sở hữu.
- 01 cây kim bấm màu trắng dài 22cm
- 01 ổ khóa số màu trắng không rõ hiệu (không thu hồi được).
- 01 ổ khóa Việt – Tiệp màu vàng;
- 01 xe mô tô hiệu Raider, biển số 59X3-572.31. Kết quả xác minh do Nguyễn Phạm Minh Đ đứng tên chủ sở hữu.
- 01 đĩa ghi nhận Đ điều khiển xe mô tô biển số 59X3-572.31 đến phòng trọ chị D và sau đó bị ông Ch phát hiện đuổi theo đi kèm theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Trịnh Thị Mỹ D đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu Đ phải bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 18/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức truy tố bị cáo Nguyễn Phạm Minh Đ về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Phạm Minh Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố. Bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu và kết luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Phạm Minh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Minh Đ từ: 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tù. Vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận hoặc bào chữa gì, lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập được và kết quả tranh luận tại phiên tòa có đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội cụ thể của bị cáo như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 30/9/2020, Nguyễn Phạm Minh Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 03 tờ đô la mỹ mệnh giá 100USD của chị Trịnh Thị Mỹ D tại phòng trọ số 3, nhà trọ số 36/31/5/16 đường 4, khu phố 6, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị bắt giữ. Tổng trị giá Đ chiếm đoạt của bị hại là 6.981.000 đồng

Với hành vi đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Phạm Minh Đ đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Phạm Minh Đ có nhân thân xấu, lần phạm tội này thuộc này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Chị Trịnh Thị Mỹ D đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu Đ phải bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Đối với xe mô tô hiệu 01 xe mô tô hiệu Raider, biển số 59X3-572.31 số máy CGA1535204, số khung RLSDL11ANLV136932. Kết quả xác minh do Nguyễn Phạm Minh Đ đứng tên chủ sở hữu, bị cáo Đ sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 cây kim bấm màu trắng dài 22cm và 01 ổ khóa Việt – Tiệp màu vàng, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phạm Minh Đ phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1

Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Minh Đ: 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2020.

3- Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô hiệu Raider, biển số 59X3-572.31 số máy CGA1-535204, số khung RLSDL11ANLV136932 do bị cáo Nguyễn Phạm Minh Đ đứng tên chủ sở hữu.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây kim bấm màu trắng dài 22cm và 01 ổ khóa Việt – Tiệp màu vàng

(Vật chứng tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức).

4- Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Thủ Đức;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Thủ Đức;
- Cơ quan THA.HS Công an TP. Thủ Đức;
- Chi cục THA.DS TP. Thủ Đức;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thanh Lâm

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày
kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA